

Ký: Công Thông tin điện tử huyện

**HUYỆN ỦY ĐẮK SONG
BAN TUYÊN GIÁO**

*

Số 291 - CV/BTGHU
V/v gửi tài liệu tuyên truyền

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Song, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: - Các TCCS đảng,
- MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện,
- Đài truyền thanh huyện,
- Phòng Văn hoá – Thông tin huyện,
- Cổng thông tin điện tử huyện.

Thực hiện Công văn số 1254 - CV/BTGTU, ngày 01/8/2018 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Nông về việc gửi tài liệu tuyên truyền;

Ban Tuyên giáo Huyện uỷ sao gửi đến các cơ quan, đơn vị:

- Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20/8/1888 – 20/8/2018);

- Báo cáo về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, quá trình chuẩn bị và một số nội dung về dự Luật Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt,

Để triển khai, tuyên truyền các nội dung trên, Ban Tuyên giáo Huyện uỷ đề nghị:

- Các tổ chức cơ sở đảng; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện lựa chọn hình thức phù hợp để phổ biến tuyên truyền nội dung các văn bản trên đến cán bộ, đảng viên, hội viên và nhân dân trong các kỳ sinh hoạt gần nhất.

- Đài truyền thanh, Phòng văn hóa huyện và Cổng thông tin điện tử huyện: Căn cứ nội dung Đề cương tuyên truyền và nội dung của Báo cáo để phát trên hệ thống đài truyền thanh, xe thông tin lưu động và đăng tải các nội dung trên cổng thông tin điện tử huyện.

Nhận được tài liệu này, đề nghị các cơ quan, đơn vị sớm triển khai thực hiện./.

(Gửi kèm Đề cương tuyên truyền)

Nơi nhận:

- Như trên (t/h),
- BTG TU (b/c),
- Thường trực Huyện uỷ (b/c),
- Lưu VPHU, BTG.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Điền Thị Thuỷ

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 130 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG
(20/8/1888 - 20/8/2018)

1. Khái lược về thân thế, cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Tôn Đức Thắng

Đồng chí Tôn Đức Thắng sinh ngày 20 tháng 8 năm 1888, trong một gia đình nông dân ở Cù lao Ông Hổ, làng An Hòa, tổng Định Thành Hạ, hạt Long Xuyên, nay là xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ Tôn Văn Đề và thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Dị, đều là những nông dân cần cù, hiền lành, chất phác. Tôn Đức Thắng là con trai đầu lòng cùng một em trai và hai em gái.

Thời thơ ấu, Tôn Đức Thắng được gia đình cho học chữ nho, chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Truyền thống quê hương và những tấm gương anh dũng chống thực dân Pháp của nghĩa quân Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Võ Duy Dương, Nguyễn Tuấn Kiêu... đã in sâu trong tâm hồn Tôn Đức Thắng, thắp lên trong lòng cậu học trò những dự định lớn lao.

Sau tốt nghiệp tiểu học ở trường tỉnh Long Xuyên (năm 1906); năm 1907 Tôn Đức Thắng lên Sài Gòn với ý định học việc và thực hiện hoài bão cuộc đời.

Vốn thông minh, có tính độc lập cao, có năng khiếu lao động kỹ thuật, giàu lòng thương người, Tôn Đức Thắng đã nhanh chóng hòa mình vào cuộc sống và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Nhận ra sức mạnh và những bất công mà giai cấp công nhân phải chịu đựng, càng giúp Tôn Đức Thắng thêm quyết tâm thực hiện lý tưởng, khát vọng làm những việc hữu ích cho đất nước, cho dân tộc và giai cấp công nhân.

Năm 1909, Tôn Đức Thắng tham gia vận động anh em học sinh lính thủy bãi khóa. Năm 1910, tham gia vận động anh chị em công nhân Sở Kiến trúc cầu đường và nhà ở Sài Gòn chống bọn chủ, cai, đánh đập vô lý và đòi tăng lương. Năm 1912, tham gia lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Son và vận động học sinh trường Cơ khí Á châu (trường Bá Nghệ Sài Gòn) bãi khóa. Thắng lợi của cuộc đấu tranh bãi công đó đã tiếp thêm niềm tin cho Tôn Đức Thắng vào sức mạnh của giai cấp công nhân và đem lại những kinh nghiệm bước đầu trong việc vận động đoàn kết, tập hợp công nhân chống lại bọn tư bản thực dân.

Năm 1915, Tôn Đức Thắng vào học trường Cơ khí Á châu ở Sài Gòn. Năm 1916, Tôn Đức Thắng làm việc trên chiến hạm Phơ-răng-xơ (France). Tại đây, Tôn Đức Thắng đã tham gia vào sự kiện kéo cờ đỏ trên chiến hạm Phơ-răng-xơ ở Biển Đen vào ngày 20/4/1919 và sau đó bị trục xuất khỏi nước Pháp.

Năm 1920, trở về Sài Gòn, Tôn Đức Thắng tích cực tham gia hoạt động nghiệp đoàn và phong trào của giai cấp công nhân, thành lập và lãnh đạo Công hội

bí mật ở Sài Gòn - hình thức tổ chức đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam. Sự kiện này đánh dấu sự chuyển biến mới của giai cấp công nhân nước ta từ thời kỳ chưa có tổ chức sang thời kỳ có tổ chức.

Tháng 8/1925, Tôn Đức Thắng cùng Công hội đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son giành được thắng lợi.

Năm 1927, Tôn Đức Thắng được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (một tổ chức tiền thân của Đảng ta); cũng trong năm đó, đồng chí được cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Kỳ bộ, Bí thư Thành bộ Sài Gòn. Tháng 7/1929, đồng chí bị thực dân Pháp bắt giam ở Khám Lớn (Sài Gòn), sau đó bị kết án 20 năm khổ sai, tháng 7/1930, bị đày ra Côn Đảo. Tại đây, đồng chí đã tham gia vận động thành lập chi bộ cộng sản nhà tù Côn Đảo và là một trong những Chi ủy viên đầu tiên.

Ngày 23/9/1945, từ Côn Đảo trở về, ngày 15/10/1945, đồng chí được bầu vào Xứ ủy Nam Kỳ, phụ trách Ủy ban kháng chiến, chỉ huy các lực lượng vũ trang Nam Bộ. Tháng 12/1945, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam và các Khu 7, 8, 9 được thành lập, đồng chí được giao nhiệm vụ tổ chức hậu cần.

Ngày 06/01/1946, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khoá I. Tháng 2/1946, được điều động ra Hà Nội để cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng chỉ đạo cuộc kháng chiến, kiến quốc. Ngày 16/4/1946, được cử làm Phó Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội sang thăm Pháp. Tháng 5/1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập, đồng chí được bầu là Phó Hội trưởng. Ngày 28/10/1946, đồng chí được bầu làm Trưởng đoàn Chủ tịch kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá I và kết thúc kỳ họp, được bầu là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Ngày 30/4/1947, được giao đảm nhiệm chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ nhưng đến ngày 25/7/1947, đồng chí đã xin từ chức, nhường chức vụ trên cho các nhân sĩ yêu nước. Ngày 04/8/1947, đồng chí được bầu làm Thanh tra đặc biệt toàn quốc.

Tháng 01/1948, Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng đã bầu bổ sung đồng chí Tôn Đức Thắng vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Cùng năm, được cử làm Trưởng ban Trung ương vận động thi đua ái quốc; Quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Ngày 17/5/1950, Hội hữu nghị Việt - Xô được thành lập, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Hội.

Tháng 2/1951, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Tháng 3/1951, tiếp tục được bầu làm Chủ tịch Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt).

Tháng 9/1955, đồng chí được phân công giữ chức vụ Trưởng Ban Thường trực Quốc hội, tại Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn quốc, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngày 27/2/1957, đồng chí được cử làm Trưởng ban chỉ đạo thanh toán nạn mù chữ Trung ương.

Ngày 15/7/1960, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá II, đồng chí được bầu làm Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 2/9/1969, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khoá III, đồng chí được bầu là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Ngày 30/3/1980, đồng chí Chủ tịch Tôn Đức Thắng từ trần.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Tôn Đức Thắng là một tấm gương sáng về lòng trung thành, tận tụy; về tinh thần anh dũng, bất khuất; về đức tính khiêm tốn, giản dị. Trên 60 năm cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc Việt Nam, cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng chí Tôn Đức Thắng vinh dự là người đầu tiên được Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta, được Đảng, Nhà nước ta trao tặng Huân chương Đại đoàn kết; được Quốc hội nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ trao tặng Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Mông Cổ, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Cu Ba trao tặng Huân chương Hữu nghị Cu Ba, Đoàn Chủ tịch Xô Viết Tối cao Liên Xô trao tặng Huân chương Lênin - Huân chương cao nhất của Liên Xô,... cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

2. Những cống hiến to lớn của đồng chí Tôn Đức Thắng với cách mạng Việt Nam và thế giới

2.1. Đồng chí Tôn Đức Thắng là người thành lập Công hội bí mật - tổ chức công hội đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam; góp phần quan trọng vào quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Năm 1920, trở về Sài Gòn, bằng tình cảm yêu mến, sự giác ngộ về Cách mạng Tháng Mười Nga và Nhà nước Xô Viết cùng với những kinh nghiệm trong tổ chức đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản, đặc biệt là nghiệp đoàn ở Pháp, đồng chí Tôn Đức Thắng đã cùng với những người bạn chiến đấu, thành lập và lãnh đạo Công hội bí mật Sài Gòn. Đây là tổ chức công hội đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam. Công hội bí mật được thành lập, đánh dấu sự chuyển biến mới của giai cấp công nhân Việt Nam từ thời kỳ chưa có tổ chức sang thời kỳ có tổ chức.

Từ khi thành lập, Công hội đã liên tục lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân ở Sài Gòn - Chợ Lớn, mà điển hình là cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son (8/1925). Trong những năm 1926 - 1927, Công hội Sài Gòn là cơ sở vững chắc cho sự hình thành và phát triển tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, không chỉ ở Sài Gòn mà trên cả xứ Nam Kỳ. Khi Kỳ bộ Nam Kỳ thành lập, đồng chí Tôn Đức Thắng được cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Kỳ bộ, Bí thư Thành bộ Sài Gòn, phụ trách phong trào công nhân. Với chức trách được giao, đồng chí đã góp phần tích cực thúc đẩy việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930) đã khẳng định hoạt động tích cực của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và những học trò của Người trong sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào yêu nước và phong trào công nhân. Tại Sài Gòn, quá trình đó diễn ra thuận lợi vì có sự hoạt động tích cực của Công hội do đồng chí Tôn Đức Thắng sáng lập. Công hội của đồng chí đã bắc nhịp cầu đưa chủ nghĩa Mác - Lênin đến với giai cấp công nhân. Chính sứ mệnh đó, đồng chí Tôn Đức Thắng không chỉ là chiến sĩ tiên phong của phong trào công nhân, một trong những người sáng lập tổ chức công đoàn của giai cấp công nhân Việt Nam, mà còn "là một trong các chiến sĩ lớp đầu của phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta".

2.2. Đồng chí là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, bất khuất, sáng ngời đạo đức cách mạng

Tháng 7/1929, đồng chí Tôn Đức Thắng bị thực dân Pháp bắt giam tại Khám Lớn (Sài Gòn) và một năm sau bị đày ra Côn Đảo. Gần mười bảy năm bị giam ở ngục tù đế quốc, đồng chí Tôn Đức Thắng luôn tỏ rõ là một nhà yêu nước vĩ đại, một chiến sĩ cộng sản kiên cường, bất khuất, đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù; thương yêu đồng chí và những người cùng cảnh ngộ. Đồng chí đã đề xướng việc thành lập Hội cứu tế tù nhân - hội tù Côn Đảo đầu tiên; góp phần quan trọng vào việc thành lập Chi bộ cộng sản đầu tiên ở nhà tù Côn Đảo, mở ra thời kỳ đấu tranh mới của tù nhân Côn Đảo, thời kỳ đấu tranh có tổ chức, có phương pháp, với mục tiêu cụ thể trước mắt và lâu dài. Đặc biệt khi Chi bộ thực hiện chủ trương biến "*nhà tù thành trường học cộng sản*", đồng chí Tôn Đức Thắng tích cực hưởng ứng, gương mẫu học tập và tham gia vào truyền bá những kiến thức về lý luận cơ bản và nội dung huấn luyện cho các tù nhân. Nhờ sự bí mật, khôn khéo, đồng chí Tôn Đức Thắng đã giúp Chi bộ vừa chuyển được thư từ, tài liệu ở Côn Đảo về Sài Gòn, vừa nhận được nhiều sách lý luận gồm những tác phẩm kinh điển Mác, Ăngghen, Lênin... dùng làm tài liệu học tập trong tù.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939), dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, Hội tù nhân do đồng chí Tôn Đức Thắng chỉ huy đã có nhiều hình thức và tổ chức hoạt động phong phú phù hợp với hoàn cảnh mới. Ngày 15/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện; chớp thời cơ, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vùng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tinh thần đó, Đảng ủy Côn Đảo chủ trương đoàn kết các lực lượng tù chính trị trên đảo giành chính quyền bằng phương pháp hòa bình. Đồng chí Tôn Đức Thắng được cử vào đoàn đại biểu đến gặp Quản đốc Lê Văn Trà, buộc Trà phải đồng ý một số vấn đề như: tổ chức chính quyền liên hiệp trên đảo, sửa chữa vô tuyến điện, sửa chữa radio để nghe tin tức, sửa chữa canoe để đưa đại biểu về đất liền xin ý kiến của Chính phủ...

Hình ảnh người chiến sĩ cộng sản Tôn Đức Thắng kiên cường, sáng ngời bản lĩnh và niềm tin tất thắng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc để vượt qua sự khốc liệt của ngục tù đế quốc đã làm các đồng chí đảng viên tù Côn Đảo ngưỡng mộ và kẻ thù khiếp sợ.

2.3. Đồng chí Tôn Đức Thắng là một nhà lãnh đạo mẫu mực của cách mạng Việt Nam ở thời đại Hồ Chí Minh

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, từ Côn Đảo trở về đất liền, đồng chí Tôn Đức Thắng được Đảng và Nhà nước ta tin tưởng giao nhiều trọng trách: Phụ trách Ủy ban Kháng chiến kiêm Chỉ huy trưởng lực lượng vũ trang Nam bộ, Phó Hội trưởng và Hội trưởng Hội Liên Việt, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Vận động thi đua ái quốc, Chủ tịch Mặt trận Liên Việt, Trưởng ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch danh dự Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... Đồng chí là Ủy viên Hội đồng Hòa bình thế giới, Chủ tịch Hội Hữu Nghị Việt - Xô. Ở cương vị công tác nào, đồng chí cũng luôn nêu cao ý thức, tổ chức kỷ luật của người đảng viên Đảng Cộng sản; gương mẫu đi đầu, sẵn sàng, gánh vác nhiệm vụ khó khăn nhất; có tinh thần đứng mũi, chịu xào, ý thức trách nhiệm cao với công việc; không màng danh lợi cho bản thân, sống bình dị; nêu gương sáng về sự trung thành, lòng tận tụy phục vụ nhân dân. Đồng chí là một mẫu mực về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, khiêm tốn, giản dị.

Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, được tin nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đồng chí đã cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc đến thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước và ra sức xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mặc dù tuổi cao, đồng chí luôn luôn phấn đấu quên mình để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước giao phó.

Hơn 60 năm hoạt động, phấn đấu vì lý tưởng của Đảng, vượt qua mọi thử thách nghiệt ngã trong lao tù đế quốc và sự khốc liệt của chiến tranh, luôn gắn bó mật thiết với đồng chí, đồng bào, hiến dâng cả đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, đồng chí Tôn Đức Thắng là một trong những nhà lãnh đạo mẫu mực của cách mạng Việt Nam ở thời đại Hồ Chí Minh.

2.4. Đồng chí Tôn Đức Thắng là người tiêu biểu nhất cho chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hơn 30 năm liên tục trực tiếp lãnh đạo tổ chức xây dựng, mở rộng, phát triển Mặt trận đoàn kết dân tộc ở nước ta, đồng chí Tôn Đức Thắng đã đóng góp quan trọng và đặc biệt xuất sắc trong việc bồi đắp, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc; là người tiêu biểu nhất cho chính sách đại đoàn kết của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hình ảnh đồng chí Tôn Đức Thắng sâu đậm về uy tín và đức độ. Đồng chí đã có những đóng góp quý giá về lý luận, làm sáng tỏ và phong phú tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta.

Nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn khẳng định vai trò quyết định của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, đồng chí Tôn Đức Thắng đã góp phần xử lý và giải quyết thành công trong cả lý luận và thực tiễn mối quan hệ giữa dân tộc - giai cấp, mối quan hệ giữa quyền lợi của dân tộc với lợi ích của bộ phận để xây dựng Mặt trận đoàn kết dân tộc trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đồng chí Tôn Đức Thắng đã chỉ rằng, Đảng phải nắm bắt và phân tích sâu sắc sự vận động của những điều kiện lịch sử dân tộc và thời đại để làm rõ và xử lý đúng đắn mối quan hệ dân tộc - giai cấp, xác định đúng “những điểm chung cho toàn thể dân tộc” - theo tư tưởng Hồ Chí Minh - trong nội dung các khẩu hiệu chiến lược của cách mạng để tập hợp được lực lượng, đoàn kết dân tộc ở mỗi thời kỳ, để định hướng trong tổ chức, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân và trong việc “điều giải một cách hợp lý” mâu thuẫn và quyền lợi giữa các giai cấp... nhằm phát huy tối đa, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết của dân tộc ta.

Tổng kết từ thực tế, đồng chí đã chỉ ra rằng: “không phải như một số đồng chí hiểu lầm rằng công tác mặt trận do ngành mặt trận chuyên trách, mà trái lại, toàn Đảng phải chăm lo”. Trong công tác mặt trận phải “nêu cao sự lãnh đạo của Đảng”, phải nắm vững nguyên tắc “Quyền lãnh đạo của Đảng quyết không thể chia sẻ cho ai, quyết không thể làm lu mờ được”. Đồng chí Tôn Đức Thắng khẳng định: Vấn đề hàng đầu để đoàn kết toàn dân là phải đoàn kết từ trong nội bộ Đảng và sự đoàn kết đó không chỉ là sự thống nhất tư tưởng, hành động trong thực hiện đường lối của Đảng mà còn là tình cảm tôn trọng, yêu mến, giúp đỡ lẫn nhau giữa những người đảng viên cộng sản. Theo đồng chí, “phương pháp duy nhất giúp ta thành tựu ý muốn ấy là tự chỉ trích và thân ái chỉ trích bạn mình”. “Đảng ta cần phải liên hệ tốt với quần chúng, cần phải đoàn kết chung quanh Đảng các giai cấp, các tầng lớp nhân dân cách mạng” và cùng với việc đề ra đường lối, chính sách đúng, Đảng phải có phương thức, lề lối làm việc dân chủ để mọi thành viên trong mặt trận đều được bàn bạc, thống nhất hành động. Đối với những công việc chung, đồng chí cho rằng, cần phải bàn bạc dân chủ, lắng nghe ý kiến của mọi người. Ý kiến đúng chúng ta hoan nghênh, ý kiến sai phải giải thích và thực hiện phương pháp thân ái, tự phê bình trong nội bộ Mặt trận; phải nắm vững nguyên tắc: “Đối với bạn đồng minh, phải vừa đoàn kết, đoàn kết để giữ vững mặt trận cách mạng, đấu tranh để đi đến đoàn kết cao hơn, không thể đoàn kết một chiều, thủ tiêu đấu tranh, cũng không thể đấu tranh vô nguyên tắc ảnh hưởng đến đoàn kết” nhưng phải “tiến hành đấu tranh trong nội bộ mặt trận một cách có lợi, có lý, có chừng mực để chữa mũi nhọn vào bọn đế quốc xâm lược”.

Do vậy, Đảng phải không ngừng nâng cao trí tuệ, hoàn thiện sự lãnh đạo của mình để xứng đáng là người lãnh đạo chính trị đối với xã hội, lãnh đạo khối đại đoàn kết dân tộc, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân. Đó là tư tưởng và cũng là bài học có tính thời sự hết sức quý báu mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho chúng ta.

2.5. Đồng chí Tôn Đức Thắng là một chiến sĩ quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội

Đồng chí Tôn Đức Thắng là một trong những công nhân Việt Nam đầu tiên hoạt động trong phong trào công nhân Pháp. Đồng chí đã tham gia cuộc nổi dậy của hải quân Pháp ở Biển Đen, kéo lá cờ đỏ trên một chiến hạm Pháp (tháng 4/1919), ủng hộ nước Nga (Xô Viết) - nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, chống sự can thiệp vũ trang của bọn đế quốc đối với Nhà nước Xô Viết non trẻ. Với những việc đó, đồng chí Tôn Đức Thắng đã trở thành một gạch nối của Cách mạng Nga với Cách mạng Việt Nam, nối liền Cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Trên 60 năm hoạt động cách mạng, với nhiều cống hiến trọn vẹn, liên tục, có hiệu quả cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng chí Tôn Đức Thắng là một trong những nhà lãnh đạo tiêu biểu cho tinh thần quốc tế cao cả, trong sáng, thủy chung, được bạn bè thế giới ghi nhận và tôn vinh. Đồng chí được bầu làm Chủ tịch danh dự Ủy ban bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam; Ủy viên Hội đồng hoà bình thế giới; Chủ tịch Hội hữu nghị Việt-Xô. Trên cương vị nào, đồng chí cũng luôn chăm lo đến tình đoàn kết quốc tế, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân ta với bạn bè trên thế giới. Trong các hoạt động của mình, đồng chí luôn tranh thủ mọi điều kiện, mọi thời điểm lịch sử để giúp nhân dân tiến bộ trên thế giới thấy rõ bản chất xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời bày tỏ khát vọng hoà bình, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam, kêu gọi nhân dân thế giới giúp đỡ Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với công lao, đóng góp to lớn cho phong trào hoà bình thế giới, đồng chí vinh dự là người Việt Nam đầu tiên được Ủy ban Giải thưởng hoà bình quốc tế Stalin của Liên Xô trao tặng Giải thưởng Stalin "Về sự nghiệp củng cố hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc" vào tháng 12/1955 (sau này mang tên là Giải thưởng Lenin); được Đoàn Chủ tịch Xô Viết Tối cao Liên Xô trao tặng Huân chương Lenin nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại và huân chương hữu nghị của nhiều nước.

3. Phát huy truyền thống quê hương, Đảng bộ và nhân dân An Giang cùng cả nước quyết tâm học tập tấm gương đồng chí Tôn Đức Thắng

An Giang tự hào là quê hương của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Trong suốt 88 năm qua, Đảng bộ và nhân dân An Giang luôn kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, noi gương Chủ tịch Tôn Đức Thắng, không ngừng đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc ta. Đặc biệt, trong hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc qua các nhiệm kỳ, Đảng bộ An Giang đã không ngừng vận dụng và cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương

và đã đạt được những kết quả rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực và các mặt công tác.

Để đưa An Giang phát triển nhanh hơn, bền vững hơn theo hướng công nghiệp hiện đại, xứng đáng là quê hương của Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định mục tiêu chung: “Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ và hiệu quả quản lý của chính quyền, phát huy dân chủ, kỷ cương, khai thác mạnh mẽ lợi thế trong liên kết vùng và lợi thế so sánh của địa phương, huy động nguồn lực xã hội và tranh thủ ngoại lực tập trung phát triển nông nghiệp theo chiều sâu tạo nền tảng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế của An Giang bằng mức trung bình của cả nước, đến năm 2020, quy mô nền kinh tế nằm trong nhóm khá của khu vực đồng bằng Sông Cửu Long”. Với 3 khâu đột phá: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập, đặc biệt là nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Đổi mới mạnh mẽ khâu tuyển chọn, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ chủ chốt các cấp; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm cải thiện môi trường thu hút đầu tư; đầu tư và ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Tập trung cho lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

Trong hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân tỉnh An Giang đã chung sức, đồng lòng, năng động, sáng tạo, vượt qua khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu và giành được những kết quả bước đầu khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Chỉ tính riêng năm 2017, trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là những tác động tiêu cực, bất thường của biến đổi khí hậu nhưng tỉnh An Giang đã đạt và vượt 17/21 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP - theo giá so sánh 2010) tăng 5,11%, cao hơn mức tăng của năm 2015: 5,04% và năm 2016: 4,47%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực và dần ổn định: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 30,90%; công nghiệp và xây dựng chiếm 14,21%; dịch vụ chiếm 53,30%. Toàn tỉnh có 799 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng số vốn đăng ký là 3.805 tỷ đồng. Tổng số doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn tỉnh đến cuối năm 2017 là 8.568 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 49.297 tỷ đồng. Tỉnh đã thu hút 86 dự án đầu tư, gồm: 03 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, 83 dự án đầu tư trong nước; tổng vốn đăng ký là 15.168 tỷ đồng. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 820 triệu USD, so kế hoạch đạt 100% và so cùng kỳ tăng khoảng 17%. Nhập khẩu đạt 145 triệu USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ và đạt 100% so kế hoạch. Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn đạt 5.930 tỷ đồng, đạt 109,71% so dự toán, bằng 115,53% so với cùng kỳ. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ có sự chuyển biến tích cực. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm. Công tác đào tạo và dạy nghề được chú trọng, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề được nâng lên, từ 38,8% năm 2016 lên 42,5% năm 2017. Các ngành, các cấp đã tổ chức và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các dự án,

chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; các chính sách hỗ trợ về tín dụng, giáo dục, y tế... với tổng vốn đầu tư từ ngân sách khoảng 2.032 tỷ đồng. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện; quốc phòng, an ninh được giữ vững; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ không ngừng nâng lên; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

Kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng, ôn lại cuộc đời hoạt động cách mạng và những cống hiến to lớn của Chủ tịch Tôn Đức Thắng, chúng ta càng thêm kính trọng và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đồng chí - một chiến sĩ cách mạng kiên cường, một người bạn chiến đấu thân thiết lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người chiến sĩ hết sức trung thành của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một nhà lãnh đạo mẫu mực của Đảng, của dân tộc ta, đã hiến dâng cả cuộc đời cho lý tưởng cộng sản, độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là dịp để chúng ta học tập, làm theo đồng chí Tôn Đức Thắng - một gương mẫu đạo đức cách mạng; suốt đời cần, kiệm, liêm, chính, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. *Uuu*

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG - TỈNH ỦY AN GIANG

BÁO CÁO
VỀ CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC,
QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ
DỰ ÁN LUẬT ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT
(Tài liệu phục vụ tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV)

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt

Việc nghiên cứu, xây dựng các đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt để tạo cực tăng trưởng, thử nghiệm đổi mới về kinh tế, quản lý, tư pháp là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đã được xác định trong văn kiện nhiều kỳ Đại hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các kết luận của Bộ Chính trị và đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 và nhiều đạo luật liên quan, mới đây nhất là Luật Quốc phòng.

Văn kiện Đại hội Đảng

(1) Văn kiện được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X thông qua đã nêu rõ: “*Phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất*”.

(2) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 được Đại hội XI thông qua năm 2011 yêu cầu: “... *lựa chọn một số địa bàn có lợi thế vượt trội, nhất là ở ven biển để xây dựng một số khu kinh tế làm đầu tàu phát triển*...”.

(3) Nghị quyết Đại hội XII nêu rõ: “*Xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá*”; “*Lựa chọn một số khu có lợi thế đặc biệt để xây dựng đặc khu kinh tế với thể chế có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế*”.

Nghị quyết của Trung ương

(1) Nghị quyết số 04-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII (tháng 12/1997) xác định: “*Nghiên cứu xây dựng thí điểm một vài đặc khu kinh tế, khu mậu dịch tự do ở những địa bàn ven biển có đủ điều kiện*”.

(2) Kết luận số 74-KL/TW ngày 17/10/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI ghi rõ “*Sớm xây dựng, phê duyệt, triển khai thực hiện một số đề án thành lập khu hành chính - kinh tế đặc biệt*”.

(3) Nghị quyết số 05-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (tháng 11/2016) yêu cầu: “*Sớm triển khai xây dựng một số khu hành chính - kinh tế đặc biệt*”.

(4) Nghị quyết số 11-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa XII (tháng 6/2017) nêu rõ: “*Xây dựng một số đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với thể chế vượt trội để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy thuộc hệ thống chính trị*”.

Thông báo, Kết luận của Bộ Chính trị

- Bộ Chính trị đã có nhiều thông báo, kết luận để chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương của Đảng về nghiên cứu, thành lập các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trong đó, tại Thông báo Kết luận số 21-TB/TW ngày 22/3/2017, Bộ Chính trị “*Đồng ý cho thành lập ba đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt: Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang)*”.

- Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự án Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị về các nội dung quan trọng của dự án Luật để Bộ Chính trị xem xét, có ý kiến chỉ đạo cụ thể.

Hiến pháp và Luật

(1) Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn “*thành lập hoặc giải thể đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt*” (khoản 8 Điều 84).

(2) Hiến pháp năm 2013 hiến định đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt là một trong bốn loại đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 110). Khoản 9 Điều 70 và khoản 1 Điều 110 của Hiến pháp quy định đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do Quốc hội quyết định thành lập; khoản 2 Điều 111 Hiến pháp quy định “cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do luật định”.

(3) Các nội dung về thẩm quyền, trình tự thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt và văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đã được Quốc hội quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (Điều 14), Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (Điều 2, Điều 74 đến Điều 77), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Điều 4, Điều 29).

2. Quá trình xây dựng Luật

- Dự án Luật Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt được Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, chuẩn bị từ giữa năm 2013 sau khi được bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII theo Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội. Sau khi được Bộ Chính trị đồng ý cho thành lập ba đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt tại Kết luận số 21-TB/TW ngày 22/3/2017, cơ quan chủ trì soạn thảo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã khẩn trương hoàn chỉnh dự án Luật để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2017).

- Dự thảo Luật được xây dựng theo định hướng góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với đặc điểm là thực hiện các chính sách kinh tế đặc thù, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam với mục

tiêu là lấy mô hình phát triển kinh tế bền vững, đan xen lợi ích, góp phần giữ vững độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ; với các biện pháp chủ yếu xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh cạnh tranh, minh bạch, lành mạnh; áp dụng khoa học công nghệ cao, khuyến khích đầu tư tư nhân; phương pháp quản lý hiện đại, khoa học; cắt giảm thuế phù hợp đủ sức cạnh tranh khu vực và quốc tế; góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Chính phủ đã thực hiện: (1) tổng kết, đánh giá hoạt động và tổng hợp chính sách hiện đang áp dụng đối với các mô hình Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao ở nước ta trong 25 năm qua; (2) nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về các mô hình đặc khu kinh tế (ĐKKT) của 13 quốc gia, vùng lãnh thổ; (3) khảo sát, đánh giá tiềm năng, lợi thế và nghiên cứu đề xuất chính sách đặc thù của từng đặc khu; (4) tổ chức lấy ý kiến góp ý của 26 cơ quan, tổ chức có liên quan, tham vấn ý kiến của các tổ chức tư vấn quốc tế có uy tín và lấy ý kiến nhân dân trên công thông tin điện tử của Chính phủ, Quốc hội; (5) tổ chức nghiên cứu đánh giá tác động của các cơ chế, chính sách quy định tại Luật về mặt kinh tế, xã hội, bình đẳng giới, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc làm Trưởng ban.

3. Quá trình thảo luận, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật

- Tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật. Đa số ý kiến đại biểu Quốc hội (ĐBQH) phát biểu tán thành sự cần thiết ban hành Luật và góp ý vào các quy định cụ thể, tập trung vào các nội dung về mô hình tổ chức chính quyền địa phương và cơ chế tài chính, ngân sách, chính sách thuế và đất đai áp dụng cho các dự án đầu tư.

- Ngay sau kỳ họp thứ 4, UBTVQH đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp chặt chẽ với Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến các vị ĐBQH, chỉnh lý dự thảo Luật; đồng thời, tổ chức các cuộc làm việc với đại diện các Ủy ban của Quốc hội, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, tổ chức một số hội thảo, tọa đàm với các chuyên gia, nhà khoa học, viện nghiên cứu; xin ý kiến tại Hội nghị ĐBQH chuyên trách; gửi dự thảo Luật đã được chỉnh lý để xin ý kiến Chính phủ, TANDTC, VKSNDTC, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, 63 Đoàn ĐBQH, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Ủy ban nhân dân 03 tỉnh Quảng Ninh, Khánh Hòa và Kiên Giang. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng đã tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo Luật.

- Trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý, Bộ Chính trị đã 3 lần nghe báo cáo, cho ý kiến chỉ đạo; UBTVQH đã cho ý kiến về dự thảo Luật tại 02 phiên họp thứ 20 (tháng 01/2018) và 23 (tháng 4/2018); Thủ tướng Chính phủ đã 4 lần có ý kiến bằng văn bản về các nội dung tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật.

So với dự thảo Luật trình tại kỳ họp thứ 4, dự thảo Luật trình Quốc hội tại

kỳ họp thứ 5 đã được tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện hơn về nhiều nội dung về: quy hoạch; các cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức bộ máy chính quyền địa phương; các nội dung về phân cấp, phân quyền cho chính quyền đặc khu, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh và nhiều nội dung khác nhất là thu hút công nghệ cao, chống biến đổi khí hậu, công nghiệp sáng tạo, tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm đáp ứng yêu cầu tạo lập mô hình phát triển mới có tính đột phá cho đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt nhưng phải tăng giám sát, kiểm tra. Các quy định trong dự thảo Luật được tiếp thu trên cơ sở nguyên tắc phải bảo đảm tính vượt trội, đủ sức cạnh tranh quốc tế, có thể khác với các luật hiện hành nhưng phải trong khuôn khổ Hiến pháp đặc biệt là phải đáp ứng yêu cầu về chủ quyền quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

- Tại phiên thảo luận về dự án Luật tại kỳ họp thứ 5 (ngày 23/5/2018), đa số ý kiến các vị ĐBQH phát biểu tán thành sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh và các nội dung của dự thảo Luật, đồng thời, đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, trách nhiệm, trí tuệ để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật.

Tuy nhiên, đây là dự án Luật mới, phức tạp, chưa có tiền lệ; nhiều quy định về cơ chế, chính sách trong dự thảo Luật mang tính đổi mới, đột phá cả về tổ chức bộ máy và định hướng phát triển trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và cuộc khoa học công nghệ 4.0 đang phát triển; sau phiên thảo luận tại Hội trường có ý kiến đóng góp của một số đại biểu Quốc hội, các cán bộ lão thành, chuyên gia, nhà khoa học và cử tri về một số nội dung của dự án Luật còn khác nhau.

Trên cơ sở nghiêm túc tiếp thu ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội, các tầng lớp nhân dân và cử tri, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thận trọng, cân nhắc nhiều mặt và thống nhất với Chính phủ chỉnh lý quy định của dự thảo Luật về thời hạn sử dụng đất để sản xuất kinh doanh *áp dụng theo quy định của Luật Đất đai hiện hành, mà không quy định trường hợp đặc biệt kéo dài đến 99 năm*. Đồng thời, theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ, Quốc hội đã quyết định điều chỉnh thời gian thông qua dự án Luật này từ kỳ họp thứ 5 sang kỳ họp sau để có thêm thời gian nghiên cứu, tiếp thu tối đa các ý kiến tâm huyết, trách nhiệm, xác đáng của các vị đại biểu Quốc hội, các cán bộ lão thành, chuyên gia, nhà khoa học và Nhân dân, hoàn thiện dự thảo Luật cho thật sự chất lượng.

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

Dự thảo Luật có kết cấu gồm 6 chương, 85 điều và 6 Phụ lục, kèm theo dự thảo Nghị quyết về việc thi hành Luật. Sau khi tiếp thu tối đa ý kiến xác đáng của các vị đại biểu Quốc hội, các cán bộ lão thành, chuyên gia, nhà khoa học và Nhân dân, dự thảo Luật đang tiếp tục được hoàn thiện các quy định với một số nội dung cơ bản sau đây:

4.1. Về quy hoạch

Dự thảo Luật quy định xây dựng một quy hoạch đặc khu đồng bộ với tầm nhìn dài hạn. Chính sách của Nhà nước nhấn mạnh việc xây dựng đơn vị HCKTDB “theo hướng xanh - tri thức - bền vững, phát triển công nghệ cao, công nghiệp sáng tạo, thúc đẩy khởi nghiệp, bảo vệ môi trường thiên nhiên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, áp dụng phương thức quản lý khoa học tiên tiến, hình thành môi trường sống văn minh, hiện đại, chất lượng cao; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt”.

4.2. Về chính sách phát triển kinh tế - xã hội đã và đang tiếp thu chỉnh sửa theo hướng

Thứ nhất, quán triệt thực hiện các Nghị quyết Trung ương 5 về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; phát triển kinh tế tư nhân là động lực quan trọng; Nghị quyết Trung ương 6 về xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thứ hai, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh công khai, minh bạch, cạnh tranh thuận lợi thông qua thu hẹp các ngành, nghề cần thiết phù hợp về đầu tư kinh doanh có điều kiện gắn với yêu cầu thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ, trách nhiệm của nhà đầu tư; cho phép lựa chọn áp dụng các quy định theo tập quán quốc tế đối với hợp đồng dân sự, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài; cho phép nhà đầu tư được lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh tại đặc khu, trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài tại Tòa án nước ngoài đồng thời có quy định chặt chẽ việc áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán quốc tế và việc công nhận, cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không được gây phương hại đến quốc phòng, an ninh chủ quyền quốc gia, truyền thống văn hóa lịch sử, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật và không được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam. Đơn giản hóa thủ tục đầu tư kinh doanh tại đặc khu, phân quyền mạnh cho Chủ tịch UBND đặc khu nhưng kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong việc xem xét, chấp thuận dự án đầu tư, rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng có cơ chế giám sát chặt chẽ;

Thứ ba, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục cho nhà đầu tư trong tiếp cận đất đai; chính sách về đất đai chặt chẽ như pháp luật hiện hành áp dụng đối với khu kinh tế, riêng quy định về người nước ngoài sở hữu về nhà ở được quy định chặt chẽ hơn quy định hiện hành;

Thứ tư, xây dựng chính sách huy động mọi nguồn lực xã hội, trong đó ưu tiên nguồn lực từ khu vực tư nhân trong và ngoài nước và hỗ trợ có điều kiện từ ngân sách nhà nước và chỉ là “vốn môi” do Quốc hội xem xét, quyết định để đầu tư xây dựng một số ít công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cao, bền vững, hạ tầng xã hội cấp thiết và giữ gìn môi trường quan trọng của đặc khu;

Thứ năm, chính sách ưu đãi đầu tư về thuế, tiền thuê đất có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, tập trung vào các dự án đầu tư thuộc các ngành, nghề ưu tiên phát triển của các đặc khu, trong đó ưu đãi cao nhất áp dụng đối với dự án đầu tư công nghệ cao, công nghiệp sáng tạo, khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, y tế, giáo dục, dự án đầu tư thuộc các ngành, nghề ưu tiên phát triển mũi nhọn của từng đặc khu và dự án đầu tư của nhà đầu tư chiến lược; *không* miễn tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư còn lại;

Thứ sáu, chính sách phát triển các ngành dịch vụ, du lịch thông qua cho phép bán hàng miễn thuế; thực hiện miễn thị thực có thời hạn và cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài như đang thị điểm; cho phép các hãng hàng không quốc tế được phép vận chuyển hàng không quốc tế kết hợp nhiều điểm, trong đó có ít nhất một điểm đến hoặc một điểm đi tại đặc khu;

Thứ bảy, chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân và chính sách đãi ngộ có tính cạnh tranh theo cơ chế thị trường nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; từng bước đổi mới, thay thế chế độ công chức biên chế suốt đời bằng chế độ công chức theo hợp đồng làm việc tại cơ quan, tổ chức của đặc khu;

Thứ tám, chú trọng các chính sách về lao động, an sinh xã hội; quản lý chặt chẽ lao động nước ngoài, nhất là lao động phổ thông.

4.3. Về tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương ở đặc khu

Chương IV dự thảo Luật quy định về tổ chức chính quyền địa phương và cơ quan khác của Nhà nước ở đặc khu. Theo đó, chính quyền địa phương ở đặc khu gồm HĐND và UBND được tổ chức tinh gọn, được phân quyền thực hiện nhiều thẩm quyền của các cơ quan nhà nước cấp trên nhằm bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời các yêu cầu của người dân, nhà đầu tư; thẩm quyền quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội được tập trung cho Chủ tịch UBND đặc khu, gắn với trách nhiệm cá nhân.

Bên cạnh các cơ chế giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành, Dự thảo Luật quy định cơ chế giám sát của cơ quan đại diện dân cử đối với hoạt động của bộ máy chính quyền đặc khu; tăng cường giám sát của các cơ quan của Quốc hội; công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước cấp trên; bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của chính quyền đặc khu.

II. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO LUẬT ĐƯỢC CỬ TRI QUAN TÂM

1. Việc thành lập đặc khu hiện nay có lỗi thời không

Gần đây, các quốc gia trong khu vực và trên thế giới vẫn tiếp tục thành lập thêm các đặc khu hoặc hoàn thiện các thể chế, chính sách áp dụng cho các đặc khu hiện có như Trung Quốc (thành lập ĐKKT Tiền Hải (2013); Hùng An (2017) và bổ sung chính sách ĐKKT Hải Nam (tháng 5/2018)); Thái Lan (2015); Myanmar (2015); Nhật Bản (2015), Thành phố Quốc tế tự do Jeju Hàn Quốc (2011). Ấn độ hiện có 221 ĐKKT (đến tháng 9/2017). Vẫn có nhiều nước trên

thế giới đang tiếp tục xây dựng các đặc khu kinh tế để phát triển thí điểm thể chế.

Xu thế phát triển của các đặc khu trên thế giới là hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, đơn giản thủ tục hành chính, giải quyết nhanh, gọn yêu cầu của nhà đầu tư, người dân theo cơ chế "một cửa, tại chỗ", trực tuyến trên mạng và tập trung thu hút các ngành công nghệ cao của các nước phát triển, nhất là phương Tây, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... và có giá trị gia tăng cao như công nghệ cao 4.0, công nghiệp sáng tạo, dịch vụ tài chính, ngân hàng, logistics, y tế, giáo dục chất lượng cao...

Dự thảo Luật cũng xác định 3 đặc khu phát triển theo mô hình này (trong đặc khu có khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, khu thương mại tự do và các khu chức năng khác) và trọng tâm ưu tiên phát triển các ngành, nghề có giá trị gia tăng cao theo xu hướng phát triển của thế giới nêu trên.

2. Lý do lựa chọn xây dựng 3 đặc khu

Thực hiện chủ trương, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy định của Hiến pháp về đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, các Kết luận của Bộ Chính trị, 3 đặc khu Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc được lựa chọn nằm trong phạm vi một đơn vị hành chính cấp huyện và có diện tích không lớn (chiếm khoảng 0,55% diện tích đất liền của cả nước) nhưng có vị trí kết nối giao thông khu vực và quốc tế thuận lợi; có khả năng phát triển thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, hành khách quốc tế; có khả năng thu hút các dự án áp dụng khoa học công nghệ 4.0 đầu tư quy mô lớn, có khả năng tác động lan tỏa đến khu vực xung quanh

3. Về áp dụng pháp luật nước ngoài và giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh tại đặc khu tại tòa án nước ngoài

Dự thảo Luật cho phép lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán quốc tế đối với hợp đồng dân sự, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài và cho phép nhà đầu tư được lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh tại đặc khu, trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài tại Tòa án nước ngoài.

Tuy nhiên, để bảo đảm chủ quyền, quyền và lợi ích của phía Việt Nam, dự thảo Luật quy định chặt chẽ việc áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán quốc tế và việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài *không được gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật và không được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam và đặc biệt là chủ quyền quốc gia của Việt Nam.*

4. Về vấn đề quốc phòng, an ninh và đảm bảo chủ quyền quốc gia

Các quy định tại Luật đã được nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý đảm bảo chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc phòng của đặc khu và của quốc gia. Đồng thời một số nội dung của Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý chặt chẽ hơn như:

- *Về nội dung quy hoạch đặc khu:* phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và có phương án phân bố không gian cho hoạt động quốc phòng, an ninh (Điều 9).

- *Về quy định sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài:* Để đảm bảo thận trọng, ngoài việc phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành của Luật Nhà ở năm 2014, dự thảo Luật quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài không được sở hữu nhà ở tại khu vực an ninh, quốc phòng theo quy hoạch đặc khu; thu hẹp đối tượng cá nhân người nước ngoài được quyền sở hữu (chỉ bao gồm: nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia giỏi của thế giới) và sẽ quy định giới hạn tỷ lệ số lượng nhà ở mà tổ chức, cá nhân nước ngoài có cùng một quốc tịch được sở hữu tại một chung cư, một khu vực hoặc tuyến phố để đảm bảo không hình thành những khu phố tập trung người nước ngoài có cùng quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống (Điều 34).

- *Về quản lý lao động nước ngoài:* chỉ quy định đặc thù về thời gian làm việc đối với đối tượng là chuyên gia, nhà quản lý, giám đốc điều hành. Chủ tịch UBND đặc khu quy định về tiêu chí cụ thể đối với lao động kỹ thuật là người nước ngoài, nhưng không thấp hơn tiêu chí theo quy định của pháp luật hiện hành và tỷ lệ hoặc số lượng tối đa lao động kỹ thuật là người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp thuộc đặc khu theo ngành, nghề (Điều 46).

- *Về xây dựng các Đề án bảo đảm quốc phòng, an ninh:* Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, từ đầu năm 2017 Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao và chỉ đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng các Đề án bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trong các đặc khu. Sau khi Luật được ban hành, Thủ tướng Chính phủ sẽ phê duyệt các Đề án này để đáp ứng yêu cầu triển khai thi hành Luật nhằm đảm bảo vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

5. Về đánh giá hiệu quả phát triển đặc khu có thể tóm tắt như sau:

- Việc xây dựng các đặc khu tại Việt Nam là đề thí điểm: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đổi mới phát triển kinh tế nhanh, bền vững kinh tế xanh, kinh tế tri thức, công nghiệp sáng tạo, là một cực ứng phó biến đổi khí hậu; cải cách thủ tục hành chính đơn giản cho doanh nghiệp và người dân; quản lý xã hội chặt chẽ, phương pháp quản lý hiện đại, khoa học, tiên tiến, tư pháp chặt chẽ đảm bảo chủ quyền.

- Ngoài ra, Cơ quan soạn thảo đã phối hợp với tư vấn quốc tế đánh giá hiệu quả phát triển đặc khu và cho thấy việc thành lập các đặc khu tác động tích cực trên nhiều mặt như tăng trưởng kinh tế cao hơn, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu ngân sách và thu nhập bình quân đầu người, tạo nhiều công ăn việc làm đảm bảo an sinh xã hội, thu hút đầu tư nước ngoài với công nghệ cao, nhất là từ các nước phát triển phương Tây, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... để nhằm đan xen lợi ích, góp phần bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, góp phần phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.